

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày tháng 7 năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;
nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô;

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện Kết luận 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết 109/NQ-CP của Chính phủ;

Trên cơ sở xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2026; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với đánh giá về tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2026, cụ thể: Trong bối cảnh phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục giữ mức tăng trưởng kinh tế (GRDP) 2 con số (10,56%), tạo đà phát triển tích cực hoàn thành kế hoạch cả năm; công nghiệp tiếp tục giữ vững nhịp tăng trưởng, khẳng định vai trò là động lực của nền kinh tế; sản xuất nông nghiệp được duy trì ổn định; dịch vụ phát triển, giá trị xuất nhập khẩu ước đạt 106,4 tỷ USD; thu ngân sách nhà nước đạt 74,8% dự toán. Quyết liệt chỉ đạo, hoàn thành khối lượng lớn công tác GPMB Dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình và các dự án liên quan bảo đảm tiến độ triển khai các công trình trọng điểm quốc gia.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội phát triển toàn diện; giáo dục được quan tâm phát triển, đạt nhiều kết quả tích cực. Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ quy mô lớn được tổ chức, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của Nhân dân; đời sống Nhân dân được

nâng cao. Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số được triển khai quyết liệt, đồng bộ. Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; hoàn thành sắp xếp thôn, tổ dân phố theo kế hoạch. Thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được nâng cao. Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2026 vẫn còn một số khó khăn, tồn tại, hạn chế, đó là: Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp hơn kịch bản đề ra. Thu hút đầu tư thấp hơn cùng kỳ, chưa tạo được nhiều đột phá trong thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ cao, có tính lan tỏa mạnh có khả năng tạo động lực cho tăng trưởng trong thời gian tới. Cán cân thương mại tiếp tục ghi nhận tình trạng nhập siêu trong 6 tháng đầu năm. Tiến độ thực hiện các dự án còn nhiều khó khăn, vướng mắc chưa được giải quyết triệt để, dứt điểm. Tiến độ xử lý các dự án tồn đọng, vướng mắc, kéo dài chưa hoàn thành và còn nhiều khó khăn. Việc di dời các cơ sở sản xuất tại các CCN, làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường vào các CCN đáp ứng các quy định về môi trường gặp khó khăn; ô nhiễm môi trường nước mặt chưa được khắc phục.

Tỷ lệ huy động trẻ ra nhà trẻ, lớp mẫu giáo chưa đạt kế hoạch đề ra; trẻ mầm non, học sinh/nhóm lớp cao so với quy định ở một số địa phương, đơn vị; đội ngũ giáo viên còn thiếu; cơ sở vật chất cho giáo dục ở một số trường học chưa đảm bảo quy định, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục; thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ còn có hạn chế. Việc thực hiện tham mưu xây dựng, ban hành văn bản của một số sở, ngành còn chưa chủ động, tiến độ, chất lượng chưa đảm bảo. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025 đạt thấp, xếp thứ 31/34 tỉnh, thành phố.

Điều 2. Thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27/6/2026 và Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí thông qua điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 (*chi tiết tại biểu đính kèm*).

Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị UBND tỉnh tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm như sau:

1. Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh để cụ thể hoá các chủ trương của Đảng, văn bản pháp luật của Trung ương, phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh - xã hội, quốc phòng - an ninh; chú trọng phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Xây dựng kịch bản điều hành phát triển kinh tế, hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được Chính phủ, HĐND tỉnh giao.

2. Tổ chức công bố và triển khai thực hiện hiệu quả điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt. Khẩn

trương hoàn thành lập, phê duyệt Quy hoạch chung đô thị tỉnh Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075. Hoàn thiện hồ sơ, trình tự, thủ tục để trình cấp có thẩm quyền thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương.

3. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách nhà nước, mở rộng cơ sở thu, nhất là thu từ hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế. Thực hiện nghiêm các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026. Tập trung xây dựng và triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

4. Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư xây dựng, phấn đấu giải ngân hết vốn đầu tư công được giao. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là các đơn vị có tỷ lệ giải ngân dưới mức trung bình toàn tỉnh, khẩn trương chỉ đạo quyết liệt trong thực hiện các dự án đầu tư công. Tập trung giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về nguồn và giá vật liệu xây dựng. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình và các tuyến đường kết nối phục vụ Hội nghị APEC 2027. Tập trung nguồn lực và phối hợp triển khai dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải trên địa phận tỉnh Bắc Ninh: Dự án đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Quảng Ninh; các tuyến đường vành đai 4, 5... và các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư.

Tập trung xử lý, tháo gỡ, giải quyết dứt điểm các dự án đầu tư xây dựng tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh. Xử lý triệt để nhà, đất, tài sản công dôi dư, không sử dụng bảo đảm tiến độ theo quy định pháp luật, không để lãng phí tài sản công.

5. Triển khai hiệu quả xây dựng nhà ở cho thuê theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Thông báo số 262/TB-VPCP ngày 26/5/2026 và số 286/TB-VPCP ngày 04/6/2026. Tập trung rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho thuê tại đô thị và gắn với các KCN trên địa bàn tỉnh. Khẩn trương hoàn thành việc phê duyệt và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND đã được HĐND tỉnh thông qua.

6. Tổ chức thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện, xăng dầu phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp, nhất là trong các tháng cao điểm nắng nóng và mùa khô năm 2026. Đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn điện, lưới điện và truyền tải điện trọng điểm; điện áp mái tự sản tự tiêu; thực hiện đồng bộ các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả, đẩy mạnh phong trào tiết kiệm điện trong cơ quan, doanh nghiệp và hộ gia đình.

7. Khẩn trương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án lớn, các dự án dân cư dịch vụ, dự án sản xuất công nghiệp có vai trò quan trọng trong các lĩnh vực năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, các dự án thương mại, dịch vụ có

quy mô lớn đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho doanh nghiệp tư nhân và hộ gia đình sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế tư nhân. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu hàng nông sản chủ lực của tỉnh; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị, ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển vùng nguyên liệu, quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu quốc gia cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai xảy ra.

8. Tập trung phát triển thị trường trong nước, trong tỉnh, mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”, các chương trình khuyến mại, kích cầu tiêu dùng, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp thực hiện thông quan hàng hóa. Phát triển logistics theo hướng là hạ tầng “*xương sống*” của thương mại trong tỉnh, kết hợp đa phương thức: hàng không, đường sắt, đường sông, đường bộ.

9. Tổ chức triển khai thi hành các Nghị quyết đã được HĐND tỉnh thông qua; đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật thuộc thẩm quyền của địa phương bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất.

Khẩn trương ổn định tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố sau hợp nhất, sáp nhập, bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả. Hoàn thành việc chi trả chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm đầy đủ, kịp thời đúng quy định pháp luật.

10. Tập trung đào tạo và thu hút đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đối với các ngành công nghệ cao, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chống biến đổi khí hậu... Theo dõi, nắm bắt tình hình lao động, việc làm, có phương án điều tiết phù hợp, không để xảy ra mất cân đối cung cầu lao động cục bộ. Hoàn thành đúng tiến độ nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai có hiệu quả các chương trình thu hút khách du lịch văn hoá; du lịch trải nghiệm nông nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực; tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính; đề cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, lấy hiệu quả thực thi và mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

11. Thường xuyên quan tâm, triển khai đầy đủ, kịp thời, hiệu quả công tác bảo đảm an sinh xã hội. Tổ chức tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo các gia đình chính sách, thương binh liệt sỹ và các hoạt động kỷ niệm 80 năm ngày Thương binh - liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2027). Nâng cao hiệu quả công tác khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn, phối

hợp tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh theo các nhóm đối tượng, trong đó quan tâm, ưu tiên các đối tượng, chính sách, khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp. Khắc phục tình trạng thiếu giáo viên và thiếu trang thiết bị cho dạy và học

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa; tập trung đầu tư bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa; đa dạng hóa, huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp, nhất là nguồn lực xã hội hóa, để bảo đảm công tác bảo tồn di sản gắn với phát triển du lịch và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

12. Tiếp tục củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; thực hiện nghiêm quy định về tiếp công dân, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp với thực hiện các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, không để hình thành điểm nóng về an ninh trật tự; tăng cường công tác bảo đảm phòng, chống cháy nổ trong mùa hanh khô. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông chính sách; chủ động cung cấp thông tin định hướng, tạo đồng thuận xã hội.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết./.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Khoá XX, Kỳ họp thứ 6 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh;
- Các cơ quan Trung ương theo dõi địa bàn tỉnh;
- Ủy MTTQ VN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XX;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND; UBND các xã, phường;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo/chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Việt Oanh



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Mục tiêu năm 2026	Văn bản giao chỉ tiêu		
					02-NQ/ĐH	169/NQ-CP	Khác
I	VỀ KINH TẾ						
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm	%	10.56	12.5	x	x	
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	0.4	1.3		x	
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	12.55	15.1		x	
	- Công nghiệp	%	12.73	13.70		x	
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	12.69	13.60		x	
	- Xây dựng	%	8.78	45.0		x	
1.3	Khu vực dịch vụ	%	8.18	7.8		x	
	<i>Trong đó:</i>						
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	%	8.08	7.9		x	
	- Vận tải, kho bãi	%	13.9	8.5		x	
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	13.94	9.5		x	
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	8.3	8		x	
	- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ	%	8.17	8		x	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5.14	5.8		x	
1.4	GRDP bình quân đầu người	USD	-	6,350	x	x	
2	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	19.51	17.5		x	
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	63.7	65.5		x	
4	Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD	-	4,100		x	
5	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	17.3	8.5		x	
6	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (Tính lũy kế)	Triệu USD	106,395	212,000	x		
7	Xuất khẩu	Triệu USD	52,524	110,000			
7.1	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	%	31.5	18.1		x	
7.2	Nhập khẩu	Triệu USD	53,871	102,000			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Mục tiêu năm 2026	Văn bản giao chỉ tiêu		
					02-NQ/ĐH	169/NQ-CP	Khác
	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	%	39,83	16,1			x
8	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa	%	-	2			x
9	Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ	Triệu lượt	-	0.25			x
10	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn	Tỷ đồng	81,303	224,504			x
	Tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GDP	%	29,7	37,5	x		
11	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm	%	-	10	x		x
12	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)	-	-	3,5-4,0	x		
13	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	-	41	x		x
14	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	51,181,6	72,350	x		
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	24,332	57,145	x		
15	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn	%	-	5			x
16	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	-	5			x
17	Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn	nghìn DN	-	39,35			x
18	Tỷ lệ đô thị hoá	%	-	43,6	x		x
19	Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	-	25	x		
II. VĂN HÓA, XÃ HỘI							
20	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	Tuổi	-	75,1	x		x
21	Chỉ số phát triển con người HDI	-	-	0,77	x		x
22	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Triệu đồng	-	5,93	x		
23	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh	%	-	15,5			x
24	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	-	82	x		
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	-	37,5	x		x
25	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	-	82	x		x
26	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	-	31			x
27	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	-	50			x
28	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	điểm %/năm	-	1-1,5	x		x
29	Số giường bệnh/vạn dân; số bác sĩ/vạn dân				x		



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Mục tiêu năm 2026	Văn bản giao chỉ tiêu		
					02-NQ/ĐH	169/NQ-CP	Khác
30	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khoẻ hằng năm	%	-	96.2		x	
31	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%	-	100		x	
32	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	%	-	51.3	x		
33	Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn	%	-	83.8	x		
	Thành thị	%	-	92.0	x		
	Nông thôn	%	-	77.5	x		
34	Số cán bộ Nhà ở xã hội hoàn thành	Cán bộ	-	19,900			338, 444/QĐ-TTg và 07/NQ-CP
III. VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU							
35	Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả)	%	-	30.9	x		
36	Tỷ lệ các loại chất thải được thu gom và xử lý theo quy định						
-	Chất thải công nghiệp thông thường	%	-	100	x		
-	Chất thải nguy hại	%	-	100	x		
-	Chất thải y tế	%	-	100	x		
-	Chất thải rắn sinh hoạt	%	-	96.0	x		
37	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	-	100		x	
	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	-	100	x		
	Tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	-	59.4	x		
38	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%	-	30		x	
39	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	-	98	x		
40	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	%	-	10		x	

